

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2019.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Tăng Thị Bạch Vân.

2) Bà Lưu Thị Tám.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 357/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ca Phan Bích T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 27/14/1, đường TBT, phường A, quận N, TP. Cần Thơ (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trần Minh Đ**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp AN, thị trấn KS, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019, nguyên đơn chị **Ca Phan Bích T trình bày**: Chị và anh **Trần Minh Đ** tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, TP. Cần Thơ vào ngày 18/5/2011. Quá trình sống chung anh chị có một người con chung là cháu **Trần Nhã C**, sinh ngày 22/12/2011, đang sống với chị. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, chị và anh **Đ** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, từ năm 2015 đến nay anh chị không còn chung

sống với nhau nữa; anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay chị nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ; về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về tài sản chung và nợ chung.

- Bị đơn anh Trần Minh Đ đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh không có có văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T và anh Đ được ly hôn, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Ca Phan Bích T và anh Trần Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn anh Đ vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt chị T và anh Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị Ca Phan Bích T, chị T và anh Trần Minh Đ tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011, đến ngày 18/5/2011 anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, TP. Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 036/2011 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị T cho rằng sau một thời gian vợ chồng sống hạnh phúc thì anh chị phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm nên anh chị đã không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Mặc dù anh Đ không có ý kiến trực tiếp với Tòa án, nhưng theo biên bản xác minh ngày 23/9/2019 thì mẹ ruột của anh Đ là bà Mạch Thị Đ cho rằng sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải của Tòa án thì bà đã thông báo cho anh Đ biết việc chị T xin ly hôn với anh thì anh Đ đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Thấy rằng: hôn nhân giữa chị T với anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì anh chị đã không chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho anh, chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung là cháu Trần Nhã C, sinh ngày 22/12/2011, đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C đến tuổi trưởng thành, anh Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu C cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ, không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ca Phan Bích T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ca Phan Bích T được ly hôn với anh Trần Minh Đ.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Nhã C, sinh ngày 22/12/2011 cho chị Ca Phan Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng: Anh Trần Minh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Minh Đ, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ca Phan Bích T không yêu cầu giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Ca Phan Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000796 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND P. A. Q.N, TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm